



Số: 0301(2)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỜ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Vi khí hậu, tiếng ồn
Ngày quan trắc : 29/11/2024
Mã số mẫu : K3 – K8/06/29.11.2024
Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Nhiệt độ ^{(a)(*)}	QCVN 46: 2012/BTNMT	0 ÷ 60°C
2	Độ ẩm ^{(a)(*)}	QCVN 46: 2012/BTNMT	15 ÷ 95 %RH
3	Tốc độ gió ^{(a)(*)}	QCVN 46: 2012/BTNMT	0,1 ÷ 40 m/s
4	Tiếng ồn ^{(a)(*)}	TCVN 7878-2:2010	35 ÷ 130 dBA

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Thời gian quan trắc	Tiếng ồn	Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió
Đơn vị	-	dBA	°C	%	m/s
1. Trước cổng trạm	10h00	62,0	-	-	-
2. 50 m ngoài hàng dưới gió	10h10	59,8	-	-	-
QCVN 26:2010/BTNMT	-	6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55	-	-	-
3. Phòng điều khiển	10h30	60,2	26,4	58,8	0,42
4. Khu vực thiết bị PVC	10h40	62,8	-	-	-
5. Tại khu vực gần cụm thiết bị nén	10h50	69,9	-	-	-
6. Tại khu vực gần với các cụm tách lỏng thủy ngân	11h00	69,6	-	-	-
QCVN 24:2016/BYT	-	≤ 85	-	-	-
QCVN 26:2016/BYT	-	-	18 – 32	40 – 80	0,2 – 1,5

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0301(2)-12.2024/KQTN

Tp: Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỜ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Độ rung
Ngày quan trắc : 29/11/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : K7 – K8/06/29.11.2024

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Độ rung ^{(a)(*)}	TCVN 6963:2001	20 ÷ 150 dB

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Thời gian quan trắc	Mức gia tốc rung
Đơn vị	-	dB
1. Khu vực gần cụm thiết bị nén	10h50	57
2. Khu vực gần với các cụm tách lỏng thủy ngân	11h00	55
Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất thương mại dịch vụ tại khu vực thông thường (QCVN 27:2010/BTNMT)	-	6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 60

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0301(2)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỒ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Chất lượng không khí
Ngày quan trắc : 29/11/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : K5 – K6/06/29.11.2024

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Pb ^(A)	TCVN 6152:1996	0,011 µg/m ³

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG KHÔNG KHÍ

Vị trí lấy mẫu	Pb
Đơn vị	mg/m ³
1. Trước cổng trạm	KPH
2. 50 m ngoài hàng dưới gió	KPH
QCVN 05:2023/BTNMT	-

Ghi chú:

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công nghệ NHONHO, Vimcerts 239)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

- 1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0301(2)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỒ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Chất lượng không khí
Ngày quan trắc : 29/11/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : K9/06/29.11.2024

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1	Bụi ^(a)	TCVN 5067:1995	15,0 µg/m ³
2	NO ₂ ^(a)	TCVN 6137:2009	13,0 µg/m ³
3	SO ₂ ^(a)	TCVN 5921:1995	10,0 µg/m ³
4	CO ^(a)	HD-TN-33*	3.200 µg/m ³
5	VOCs (Toluen) ^(Δ)	NIOSH 1501	15 µg/Nm ³

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Bụi	CO	SO ₂	NO ₂	VOCs
Đơn vị	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³
1. Tại khu vực gần vị trí xả của tua bin	0,285	KPH	0,057	0,078	KPH
QCVN 05:2023/BTNMT	0,3	30	0,35	0,2	0,5

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ lấy mẫu và phân tích (Công ty TNHH Công nghệ NHONHO, Vimcerts 239)

HD-TN-33*: Phương pháp nội bộ hướng dẫn phân tích CO tại phòng thí nghiệm

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0301(2)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỜ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt tại Trạm Tiếp Bờ LFS (1 điểm xả thải ra kênh T21 – Cổng thoát nước)
Ngày lấy mẫu : 29/11/2024
Mã số mẫu : NT10/06/29.11.2024
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ ^(a) (*)	°C	30,7	4 ÷ 55	-	SMEWW 2550B:2017
2	pH ^(a) (*)	-	6,82	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
3	COD ^(a)	mg/L	92,0	3,0	-	SMEWW 5220C:2017
4	BOD ₅ ^(a)	mg/L	36,5	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
5	TSS ^(a)	mg/L	34,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
6	Sắt ^(a)	mg/L	0,50	0,05	-	SMEWW 3500-Fe.B:2017
7	Tổng Nito ^(a)	mg/L	12,1	2,0	-	TCVN 6638:2000
8	Tổng Phospho ^(a)	mg/L	2,24	0,03	-	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	Pb ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0004	-	SMEWW 3125B:2023
10	Cd ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0004	-	SMEWW 3125B:2023
11	Zn ^(Δ)	mg/L	0,009<LOQ(0.025)	0,009	-	SMEWW 3125B:2023
12	Ni ^(Δ)	mg/L	KPH	0,009	-	SMEWW 3125B:2023
13	Hg ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0004	-	SMEWW 3125B:2023
14	Cr ^(Δ)	mg/L	KPH	0,009	-	SMEWW 3125B:2023
15	Mn ^(Δ)	mg/L	KPH	0,009	-	SMEWW 3125B:2023
16	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.600	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công nghệ NHONHO, Vimcerts 239)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0301(8)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỜ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt tại Trạm Tiếp Bờ LFS (1 điểm xả thải ra kênh T21 – Cổng thoát nước)
Ngày lấy mẫu : 29/11/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT10/06/29.11.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
1	DO ^(b)	mg/L	3,55	0 – 16	-	TCNV 7325:2016

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b) : Các chỉ tiêu đã được VALAS công nhận

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0301(10)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỜ (LFS)**
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Điện từ trường
Ngày quan trắc : 29/11/2024
Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC ĐIỆN TỪ TRƯỜNG

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc
1	Điện từ trường tần số công nghiệp ^(A)	- QCVN 25:2016/BYT - Máy đo điện từ trường Holaday HI-3604

KẾT QUẢ ĐIỆN TỪ TRƯỜNG

Vị trí quan trắc	Điện trường	Từ trường
Đơn vị	(kV/m)	(A/m)
1. Phòng điều khiển	0,054	0,4966
2. Khu vực thiết bị PVC	0,120	0,5528
QCVN 25:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điện từ trường tần số công nghiệp (f=50-60Hz)	< 5	< 400
Thời gian tiếp xúc cho phép (giờ)	Không hạn chế	8

Ghi chú:

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ quan trắc (Công ty Cổ phần Dịch vụ Công Nghệ Sài Gòn)

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0301(11)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỜ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Ánh sáng
Ngày quan trắc : 29/11/2024
Lần ban hành : 01

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp xác định
1	Ánh sáng(*)	TCVN 5176:1990

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ ĐO ÁNH SÁNG

Điểm đo	Ánh sáng
Đơn vị	Lux
1. Phòng điều khiển	558
QCVN 22:2016/BYT	≥ 500

Ghi chú:

(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

- 1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0301(9)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỜ (LFS)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Phiêu sinh vật – thực vật nổi
Ngày lấy mẫu : 29/11/2024
Động vật đáy^(A) : 29/11/2024
Lần ban hành : 01

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
	LỚP GASTROPODA (Chân Bụng)	SMEWW 10200:2017	Cá thể/m ²	0
	LỚP BIVALVIA (Hai Mảnh Vỏ)			0
	LỚP MALACOSTRACA (Giáp Xác)			0
	LỚP POLYCHAETA (Giun Nhiều Tơ)			0
	LỚP KHÁC			0
	Tổng số mật độ (Cá thể/m ²)			0

Động vật nổi^(A)

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
	LỚP EUROTATORIA	SMEWW 10200:2017	Cá thể/m ³	
1	<i>Ascomorpha saltans</i> Bartsch, 1870			89
2	<i>Brachionus plicatilis</i> Müller, 1786			89
3	<i>Lecane lunaris</i> Ehrenberg, 1832			89
	LAVAR			
4	<i>Naupilus</i>			89
	LỚP KHÁC			0
	Tổng số mật độ (Cá thể/m ³)			356

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Thực vật nổi^(A)

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả
	Ngành Tảo Giáp - Pyrrophyta	SMEWW 10200:2017	Tế bào/Lít	0
	Ngành Tảo Lam - Cyanophyta			0
	Ngành Tảo Lục - Chlorophyta			0
	Ngành Tảo Mắt - Euglenophyta			0
	Ngành Tảo Silic - Bacillariophyta			0
	Ngành Tảo Vòng - Charophyta			0
	Ngành Tảo Vàng - Xanthophycophyta			0
	Ngành Khác			0
	Tổng số mật độ (tế bào/Lít)			0

Ghi chú:

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công nghệ NHONHO, Vimcerts 239)

**PHỤ TRÁCH
 PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0301(6)-12.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 12 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM**
– **CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – TRẠM TIẾP BỜ (LFS)**
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước cấp sinh hoạt tại LFS
Ngày nhận mẫu : 29/11/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : 2411002

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	pH ^(b) (27,2°C)	-	7,01	2 – 12	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ đục ^(b)	NTU	0	0 – 1000	2	SMEWW 2130B:2023
3	Độ màu ^(b)	Pt-Co	0	0 – 500	15	TCVN 6185:2015
4	Mùi vị ^(A)	-	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150.B:2023 SMEWW 2160.B:2023
5	TDS ^(b)	mg/L	76,0	12,0	1000	SMEWW 2540-SolidsC:2023
6	N-NH ₄ ⁺ ^(b)	mg/L	KPH	0,2	0,3	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2023
7	Độ cứng tổng số ^(b) (tính theo CaCO ₃)	mg/L	65,2	3,0	300	SMEWW 2340C:2023
8	E. coli ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	< 1	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
9	Nhôm (Al) ^(A)	µg/L	KPH	10,0	0,2	SMEWW 3500 Al B : 2023
10	Arsen (As) ^(A)	mg/L	KPH	0,0003	0,01	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023
11	Florua (F ⁻) ^(A)	mg/L	KPH	0,030	1,5	MKL-HH177 Ref.TCVN 6494- 1:2011 SMEWW 4110:2017
12	Sunfua (H ₂ S) ^(A)	mg/L	KPH	0,015	0,05	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2023
13	Chì (Pb) ^(A)	mg/L	KPH	0,0003	0,01	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023
14	Thủy ngân (Hg) ^(A)	mg/L	KPH	0,0003	0,001	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023
15	Natri (Na) ^(A)	mg/L	463	0,200	200	SMEWW 3030E, 3111B:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b): Các chỉ tiêu đã được Valas công nhận

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Công ty TNHH Công nghệ NHONHO, Vilas 694)

⁽ⁱ⁾: Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.